

Số: 46 /2008 /QĐ-UBND

Buôn Ma Thuột, ngày 20 tháng 12 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

V/v sửa đổi, bổ sung giá gỗ tại phần I,
quy định giá tối thiểu gỗ tròn, các loại khoáng sản, động vật rừng
tự nhiên và lâm sản phụ để tính thuế tài nguyên ban hành kèm theo
Quyết định số 28/2008/QĐ-UBND, ngày 17/7/2008 của UBND tỉnh

CÔNG VĂN ĐẾN SỐ 04
Ngày 22 tháng 12 năm 08

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật tổ chức HĐND & UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Pháp lệnh giá số 40/2002/PL-UBTVQH10, ngày 10/5/2002;

Căn cứ Pháp lệnh số 05/1998/PL-UBTVQH10, ngày 16/4/1998;

Căn cứ Nghị định số 170/2003/NĐ-CP, ngày 25/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh giá; Thông tư số 15/2004/TT-BTC, ngày 09/3/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 170/2003/NĐ-CP, ngày 25/12/2003 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 68/1998/NĐ-CP, ngày 03/9/1998 của Chính phủ; Thông tư số 42/2007/TT-BTC ngày 27/4/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 68/1998/NĐ-CP ngày 03/9/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh thuế tài nguyên (sửa đổi) và Nghị định số 147/2006/NĐ-CP, ngày 01/12/2006 của Chính phủ; Quyết định số 16/2008/QĐ-BTC, ngày 14/4/2008 của Bộ Tài chính về việc điều chỉnh các mức thuế suất trong biểu tính thuế tài nguyên ban hành kèm theo Nghị định số 68/1998/NĐ-CP, ngày 03/9/1998 của Chính phủ; Nghị định số 147/2006/NĐ-CP ngày 01/12/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/1998/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 63/2004/QĐ-UB, ngày 01/10/2004 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định quản lý giá tại địa phương; Quyết định số 84/2006/QĐ-UBND, ngày 29/12/2006 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung quy định quản lý giá tại địa phương;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 2234/TTr-STC, ngày 17/12/2008.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung giá gỗ tại phần I, Quy định giá tối thiểu gỗ tròn, các loại khoáng sản, động vật rừng tự nhiên và lâm sản phụ để tính thuế tài nguyên ban hành kèm theo Quyết định số 28/2008/QĐ-UBND, ngày 17/7/2008 của UBND tỉnh như sau:

1. Bổ sung nhóm I, mục I:

STT	Nhóm gỗ	Đường kính (cm)	Giá tính thuế tài nguyên (đồng/m ³)
3	<u>Nhóm I</u> Cắm liên	Φ từ 35 - 49	2.800.000
		Φ từ 50 - 64	3.000.000
		Φ từ 65 trở lên	3.300.000

2. Bỏ loại gỗ cắm liên trong điểm 3, mục II.

Điều 2. Các nội dung khác quy định về giá tối thiểu gỗ tròn, các loại khoáng sản, động vật rừng tự nhiên và lâm sản phụ để tính thuế tài nguyên tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 28/2008/QĐ-UBND, ngày 17/7/2008 của UBND tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký và huỷ bỏ Quyết định số 2821/QĐ-UBND, ngày 24/10/2008 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh mục 3, khoản II, phần I Quyết định số 28/2008/QĐ-UBND, ngày 17/7/2008 của UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tư pháp; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Website Chính phủ;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục KTVB- Bộ Tư pháp;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, PCT. UBND tỉnh;
- Báo Đắk Lắk;
- Đài PT-TH tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- TT Công báo, TT Tin học
- Các BP: TH, NLN, CN, NC;
- Lưu: VT, TM. 55 v



Lữ Ngọc Cư